

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mẫu số B 01 – DN

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Cuối năm	Đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		466.194.926.594	345.423.662.612
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	426.859.304.413	278.412.903.871
1. Tiền	111		25.406.307.613	13.065.768.991
2. Các khoản tương đương tiền	112		401.452.996.800	265.347.134.880
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5.2	-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		38.624.427.698	65.874.469.861
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	41.826.942.146	66.209.200.235
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	227.409.990	5.518.679.341
3. Các khoản phải thu khác	136	5.5	7.842.219.296	2.030.579.785
4. Dự phòng phải thu khó đòi (*)	137	5.7	(11.272.143.734)	(7.883.989.500)
IV. Hàng tồn kho	140	5.6	40.183.444	85.332.028
1. Hàng tồn kho	141		40.183.444	85.332.028
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		671.011.039	1.050.956.852
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.11	163.988.314	541.616.778
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	2.317.349
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		507.022.725	507.022.725
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		886.062.332.019	944.812.921.227
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		552.689.179	574.423.156
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	5.3	391.370.663	391.370.663
2. Phải thu dài hạn khác	216	5.4	552.689.179	574.423.156
3. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219	5.7	(391.370.663)	(391.370.663)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**Mẫu số B 01 – DN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Cuối năm	Đầu năm
II. Tài sản cố định	220		33.500.997.918	68.086.663.743
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.8	33.225.473.628	67.793.139.453
- Nguyên giá	222		65.256.570.399	110.172.718.053
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(32.031.096.771)	(42.379.578.600)
2. Tài sản cố định vô hình	227	5.9	275.524.290	293.524.290
- Nguyên giá	228		557.769.800	557.769.800
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(282.245.510)	(264.245.510)
III. Bất động sản đầu tư	230	5.10	53.193.288.847	56.400.537.031
- Nguyên giá	231		76.512.738.141	76.512.738.141
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		(23.319.449.294)	(20.112.201.110)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		46.328.587.395	45.750.350.639
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.12	46.328.587.395	45.750.350.639
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	5.2	750.655.927.793	770.257.565.353
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		887.843.237.620	887.843.237.620
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		1.598.916.518	1.598.916.518
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		(138.786.226.345)	(119.184.588.785)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		1.830.840.887	3.743.381.305
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.11	1.830.840.887	3.743.381.305
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.352.257.258.613	1.290.236.583.839

CÔNG TY CỔ PHẦN THĂNG LONG GTC

Số 113 - 115 Lê Duẩn, phường Cửa Nam, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Mẫu số B 01 – DN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Cuối năm	Đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		42.122.900.876	63.532.679.003
I. Nợ ngắn hạn	310		29.557.550.882	49.441.677.641
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.13	16.966.880.014	30.084.851.537
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.14	10.000.000	126.638.663
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.15	233.971.343	191.382.023
4. Phải trả người lao động	314		1.215.068.779	1.100.897.222
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.16	214.744.199	346.671.112
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		584.284.552	620.393.632
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.17	5.168.073.208	1.461.144.713
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.19	4.910.677.545	15.500.545.570
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		253.851.242	9.153.169
II. Nợ dài hạn	330		12.565.349.994	14.091.001.362
1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	5.18	7.216.496.646	8.602.963.014
2. Phải trả dài hạn khác	337	5.17	5.348.853.348	5.488.038.348
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.310.134.357.737	1.226.703.904.836
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.20	1.310.134.357.737	1.226.703.904.836
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		1.228.000.000.000	1.228.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		1.228.000.000.000	1.228.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		21.887.650	21.887.650
3. Lợi nhuận chưa phân phối	421		82.112.470.087	(1.317.982.814)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(2.143.626.887)	(6.822.276.635)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		84.256.096.974	5.504.293.821
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.352.257.258.613	1.290.236.583.839

Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2019

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Trần Thị Bích Ngọc

Bùi Trung Kiên

Tạ Minh Hùng

CÔNG TY CỔ PHẦN THĂNG LONG GTC

Số 113 - 115 Lê Duẩn, phường Cửa Nam, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Mẫu số B 02 – DN

Năm 2018

Đơn vị tính: VND

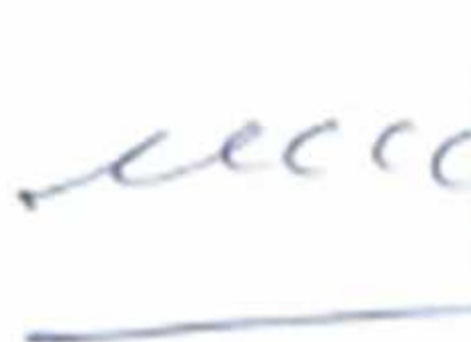
Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	137.336.781.641	124.587.258.951
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		137.336.781.641	124.587.258.951
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	113.966.208.620	102.279.841.370
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		23.370.573.021	22.307.417.581
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	108.669.172.982	135.325.373.070
7. Chi phí tài chính	22	6.4	20.058.314.670	119.583.059.173
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		406.860.392	377.767.392
8. Chi phí bán hàng	25	6.7	17.148.865.953	20.749.027.567
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.7	10.495.242.520	11.936.054.180
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		84.337.322.860	5.364.649.731
11. Thu nhập khác	31	6.5	47.659.518	581.489.988
12. Chi phí khác	32	6.6	128.885.404	441.845.898
13. Lợi nhuận khác	40		(81.225.886)	139.644.090
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		84.256.096.974	5.504.293.821
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.9	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		84.256.096.974	5.504.293.821
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70		686,12	44,82

Người lập



Trần Thị Bích Ngọc

Kế toán trưởng



Bùi Trung Kiên

Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2019

Tổng Giám đốc



Tạ Minh Hùng